

Tăng tỷ trọng

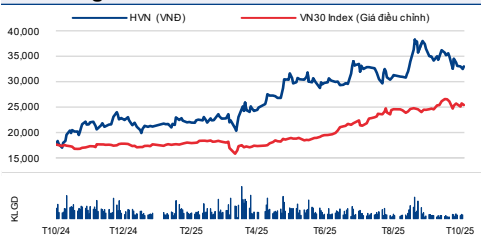
Giá mục tiêu: VNĐ42,800

Tiềm năng tăng/giảm: 29.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (30/10/2025)	33,000
Mã Bloomberg	HAVN VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,023-38,250
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	32,900
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	102,762
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	3,903
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	934
Slg CP NN được mua (tr.đv)	460
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	9.23%
Tỷ lệ freefloat	7.25%
Cổ đông lớn	SCIC (47.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	105,942	118,276	112,176
EBITDA đc (tỷ đồng)	11,817	17,032	14,792
LNTT (tỷ đồng)	8,325	12,515	10,096
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,473	11,597	9,268
FCF (tỷ đồng)	9,120	(1,642)	2,316
EPS ĐC (đồng)	3,375	4,353	2,976
DPS (đồng)	0	0	0
BVPS (đồng)	(4,523)	3,390	6,358
T.trưởng EBITDA (%)	248	44.1	(13.2)
T.trưởng EPS ĐC (%)	226	29.0	(31.6)
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	11.2	14.4	13.2
Tỷ suất LNTT (%)	7.86	10.6	9.00
Tỷ suất LNT ĐC (%)	7.05	9.81	8.26
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	0	0
Nợ thuần/VCSH (%)	(160)	81.1	30.5
ROAE (%)	(54.3)	4,289	61.1
ROACE (%)	(554)	113	41.0
EV/doanh thu (lần)	0.85	0.94	0.97
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.58	6.56	7.39
P/E ĐC (lần)	9.78	7.58	11.1
P/B (lần)	(7.30)	9.73	5.19
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Vietnam Airlines là hãng hàng không quốc gia Việt Nam, được thành lập từ năm 1995

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp

trang.ctmai@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2025: Lợi nhuận thuần giảm 20% so với cùng kỳ, thấp hơn kỳ vọng

- Lợi nhuận thuần Q3/2025 đạt 617 tỷ đồng (giảm 20% so với cùng kỳ và 78% so với quý trước) trên doanh thu thuần 30,4 nghìn tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ và 9% so với quý trước).
- Không bao gồm các khoản mục không thường xuyên từ lỗ tỷ giá và các chi phí tài chính khác, LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ, nhưng giảm 46% so với quý trước), thấp hơn kỳ vọng của HSC ở mức 2,5 nghìn tỷ đồng do chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh và chi phí dự phòng cho kế hoạch bảo trì máy bay trong năm 2026.
- Lợi nhuận thuần và LNTT từ HĐKD cốt lõi 9 tháng đầu năm 2025 đạt lần lượt 6,8 nghìn tỷ đồng (tăng 13% so với cùng kỳ) và 7,7 nghìn tỷ đồng (tăng 90% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 59%/65% dự báo cho năm 2025 của chúng tôi. HSC đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, khuyến nghị và giá mục tiêu.

Sự kiện: Công bố BCTC Q3/2025

Lợi nhuận thuần Q3/2025 giảm mạnh 20% so với cùng kỳ (giảm 78% so với quý trước) xuống 617 tỷ đồng trong khi doanh thu thuần tăng 14% so với cùng kỳ (và tăng 9% so với quý trước) đạt 30,4 nghìn tỷ đồng. Không bao gồm các khoản mục không thường xuyên, LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (tăng 37% so với cùng kỳ, nhưng giảm 46% so với quý trước), thấp hơn kỳ vọng của HSC nhưng doanh thu thuần sát với dự báo.

Chúng tôi cho rằng lợi nhuận giảm là do chi phí vận hành tăng mạnh, khi chi phí bán hàng & quản lý tăng lên 2,5 nghìn tỷ đồng (tăng 56% so với cùng kỳ và 64% so với quý trước), cùng với chi phí dự phòng 540 tỷ đồng cho kế hoạch bảo trì động cơ dự kiến vào năm 2026.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, HAVN ghi nhận 6,8 nghìn tỷ đồng lợi nhuận thuần (tăng 13% so với cùng kỳ) và 88,9 nghìn tỷ đồng doanh thu thuần (tăng 12% so với cùng kỳ), lần lượt hoàn thành 59% và 75% dự báo cho cả năm của chúng tôi. LNTT từ HĐKD cốt lõi đạt 7,7 nghìn tỷ đồng (tăng 90% so với cùng kỳ), hoàn thành 65% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Doanh thu tăng nhờ lưu lượng hành khách cải thiện

Doanh thu thuần Q3/2025 tăng 14% so với cùng kỳ (tăng 9% so với quý trước) đạt 30,4 nghìn tỷ đồng nhờ lưu lượng hành khách cải thiện. Chi tiết như sau:

- Công suất ghế luân chuyển (ASK)** tăng 16,6% so với cùng kỳ và tăng 7,8% so với quý trước, trong khi **lưu lượng khách luân chuyển (RPK)** tăng 17,4% so với cùng kỳ và tăng 8% so với quý trước.
- Theo đó, **hệ số sử dụng ghế** tăng lên 80,9% so với 80,3% trong Q3/2024 và 80,7% trong Q2/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/11.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q3/2025, HAVN

Lợi nhuận thuần Q3/2025 giảm đáng kể so với cùng kỳ do chi phí hoạt động tăng

Tỷ đồng	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ	% dự báo của HSC
Doanh thu	30,371	14%	9%	88,890	12%	75%
LNTT	866	-11%	-72%	7,549	19%	60%
LNTT cốt lõi	1,293	37%	-46%	7,646	90%	65%
Lợi nhuận thuần	617	-20%	-78%	6,841	13%	59%

Nguồn: HAVN, HSC

Trong 9 tháng đầu năm 2025, công suất ghế luân chuyển cải thiện 12,6% và lưu lượng khách luân chuyển tăng 14,9%, dẫn đến hệ số sử dụng ghế mở rộng 1,6 điểm phần trăm lên 81,7%.

Trong khi đó, lợi suất hành khách Q3/2025 gần như đi ngang so với cùng kỳ và so với quý trước ở mức 1.935đ/lượt khách-km. Trong 9 tháng đầu năm 2025, lợi suất hành khách đạt là 2.004đ/lượt khách-km (không đổi so với cùng kỳ).

Với kết quả này, doanh thu thuần 9 tháng đầu năm 2025 tăng 12% so với cùng kỳ lên 88,9 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 75% dự báo của HSC.

Chi phí đơn vị tăng cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận

- Chi phí đơn vị Q3/2025 ở mức 1.721đ/ghế-km (tăng 1% so với cùng kỳ và tăng 10% so với quý trước), do chi phí bán hàng & quản lý tăng cao và chi phí dự phòng cho kế hoạch bảo trì máy bay vào năm 2026:
- Giá nhiên liệu bay bình quân trong Q3/2025 ở mức 85,4 USD/thùng, giảm 11% so với cùng kỳ nhưng tăng 5% so với quý trước. Tuy nhiên, chi phí nguyên liệu được ghi nhận ở mức 7,2 nghìn tỷ đồng (tăng 10% so với cùng kỳ và tăng 16% so với quý trước) do sản lượng tăng, như đã thảo luận ở phần trên.
- Chi phí bán hàng & quản lý tăng mạnh 56% so với cùng kỳ lên 2,5 nghìn tỷ đồng (tăng 64% so với quý trước). Theo đó, tỷ lệ chi phí bán hàng & quản lý/doanh thu tăng lên 8,1% (từ mức 5,9% trong Q3/2024 và 5,7% trong Q2/2025).
- HVN cũng ghi nhận chi phí dự phòng 540 tỷ đồng trong Q3/2025 cho kế hoạch bảo trì động cơ dự kiến vào năm 2026.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, chi phí đơn vị đạt 1.671đ/ghế-km (giảm 2% so với cùng kỳ).

Lỗ tài chính 17 tỷ đồng do lỗ tỷ giá

HVN ghi nhận lỗ tài chính 566 tỷ VNĐ trong Q3/2025, tăng 128% so với cùng kỳ (tăng 50% so với quý trước), chủ yếu do lỗ tỷ giá 293 tỷ đồng, so với lãi tỷ giá 194 tỷ đồng trong Q3/2024 và lỗ tỷ giá 105 tỷ đồng trong Q2/2025.

Trong 9 tháng đầu năm 2025, lỗ tài chính ở mức 1,5 nghìn tỷ đồng (giảm 46% so với cùng kỳ) nhờ lỗ tỷ giá giảm xuống 563 tỷ đồng, so với mức lỗ 939 tỷ đồng của cùng kỳ năm ngoái.

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Do lợi nhuận sụt giảm trong Q3/2025, HSC xem xét lại các dự báo lợi nhuận, khuyến nghị và giá mục tiêu. Sau khi giá cổ phiếu giảm 6% trong 1 tháng qua, HVN đang giao dịch với EV/EBITDAR trượt dự phóng 1 năm là 4,2 lần, cao hơn bình quân từ tháng 10/2022 ở mức 2,7 lần và cao hơn bình quân tính từ thời điểm trước đại dịch COVID-19 ở mức 4,1 lần.

Bảng 2: Số liệu hoạt động, HVN

Lưu lượng hành khách Q3/2025 tiếp tục cải thiện

	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T25	So với cùng kỳ
Số lượng hành khách (triệu khách)	6.7	11.3%	3.5%	19.4	13.1%
- Quốc tế	2.2	20.7%	6.8%	6.2	15.3%
- Trong nước	4.6	7.3%	2.0%	13.2	12.1%
ASK (tỷ ghế.km)	13.8	16.6%	7.8%	38.7	12.6%
RPK (tỷ khách.km)	11.1	17.4%	8.0%	31.7	14.9%
Hệ số sử dụng ghế (%)	80.9%	+0.6ppts	+0.2ppts	81.7%	+1.6ppts

Nguồn: HVN

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	91,540	105,942	118,276	112,176	119,421
Lợi nhuận gộp	3,885	13,902	20,684	18,024	19,316
Chi phí BH&QL	(6,473)	(7,180)	(8,016)	(7,603)	(8,094)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	(2,587)	6,722	12,668	10,421	11,223
Lãi vay thuần	(3,479)	(3,685)	(1,132)	(491)	(327)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	88.2	70.3	73.8	77.5	81.4
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	615	5,217	906	88.3	94.4
LN TT	(5,363)	8,325	12,515	10,096	11,071
Chi phí thuế TNDN	(269)	(458)	(555)	(448)	(491)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(299)	(393)	(363)	(381)	(400)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	(5,930)	7,473	11,597	9,268	10,181
Lợi nhuận thuần ĐC	(5,930)	7,473	11,597	9,268	10,181
EBITDA ĐC	3,399	11,817	17,032	14,792	15,639
EPS (đồng)	(2,678)	3,375	4,353	2,976	3,269
EPS ĐC (đồng)	(2,678)	3,375	4,353	2,976	3,269
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,214	2,214	2,664	3,114	3,114
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,214	2,214	3,114	3,114	3,114
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,214	2,214	3,114	3,114	3,114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	2,551	4,627	12,493	10,528	23,482
Đầu tư ngắn hạn	920	1,015	1,133	1,075	1,144
Phải thu khách hàng	6,122	7,322	11,268	10,847	11,347
Hàng tồn kho	3,431	3,369	3,762	3,568	3,798
Các tài sản ngắn hạn khác	1,860	1,004	1,121	1,063	1,132
Tổng tài sản ngắn hạn	14,884	17,338	29,777	27,081	40,904
TSCĐ hữu hình	13,706	12,887	10,609	8,599	7,404
TSCĐ vô hình	148	239	279	321	368
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	507	483	2,496	4,989	4,997
Đầu tư vào Cty LD,LK	1,299	1,421	1,421	1,421	1,421
Tài sản dài hạn khác	27,173	25,818	24,623	21,800	21,259
Tổng tài sản dài hạn	42,833	40,849	39,428	37,132	35,450
Tổng cộng tài sản	57,717	58,187	69,205	64,212	76,354
Nợ ngắn hạn	17,562	14,311	12,687	9,415	10,011
Phải trả người bán	30,797	30,504	21,290	12,339	13,136
Nợ ngắn hạn khác	12,280	11,761	13,131	12,453	13,258
Tổng nợ ngắn hạn	61,171	57,159	47,757	34,825	37,061
Nợ dài hạn	9,806	6,172	8,126	6,929	6,549
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	1.27	1.53	1.71	1.62	1.72
Nợ dài hạn khác	3,764	4,199	2,090	1,983	2,111
Tổng nợ dài hạn	13,572	10,372	10,218	8,914	8,662
Tổng nợ phải trả	74,743	67,531	57,975	43,738	45,723
Vốn chủ sở hữu	(17,515)	(10,017)	10,557	19,802	29,958
Lợi ích cổ đông thiểu số	489	672	672	672	672
Tổng vốn chủ sở hữu	(17,026)	(9,344)	11,230	20,474	30,631
Tổng nợ phải trả và VCSH	57,717	58,187	69,205	64,212	76,354
BVPS (đ)	(7,910)	(4,523)	3,390	6,358	9,619
Nợ thuần*/(tiền mặt)	24,817	15,856	8,320	5,816	(6,923)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	(2,587)	6,722	12,668	10,421	11,223
Khấu hao	(5,986)	(5,095)	(4,365)	(4,371)	(4,416)
Lãi vay thuần	(3,479)	(3,685)	(1,132)	(491)	(327)
Thuế TNDN đã nộp	(231)	(325)	(555)	(448)	(491)
Thay đổi vốn lưu động	(971)	(4,585)	(16,273)	(9,453)	(404)
Khác	(2,579)	1,435	(154)	(325)	(152)
LCT thuần từ HKKD	1,004	9,441	439	5,090	14,820
Đầu tư TS dài hạn	(318)	(320)	(2,082)	(2,774)	(2,278)
Góp vốn & đầu tư	(1,095)	(1,489)	179	188	197
Thanh lý	834	568	0.00	0.00	0.00
Khác	1,246	1,492	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	667	250	(1,903)	(2,587)	(2,081)
Cổ tức trả cho CSH	(306)	(220)	0	0	0
Thu từ phát hành CP	0	0	9,000	0	0
Tăng/giảm nợ	1,621	(3,425)	330	(4,468)	215
Khác	(2,928)	(3,964)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,613)	(7,609)	9,330	(4,468)	215
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,490	2,551	4,627	12,493	10,528
LCT thuần trong kỳ	57.6	2,082	7,866	(1,965)	12,954
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.14	(5.85)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,551	4,627	12,493	10,528	23,482
Dòng tiền tự do	686	9,120	(1,642)	2,316	12,542

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	4.24	13.1	17.5	16.1	16.2
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	3.71	11.2	14.4	13.2	13.1
Tỷ suất LNT (%)	(6.48)	7.05	9.81	8.26	8.53
Thuế TNDN hiện hành (%)	(5.02)	5.50	4.43	4.43	4.43
Tăng trưởng doanh thu (%)	30.0	15.7	11.6	(5.16)	6.46
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	179	248	44.1	(13.2)	5.72
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	47.5	226	55.2	(20.1)	9.85
Tăng trưởng EPS (%)	47.5	226	29.0	(31.6)	9.85
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	47.5	226	29.0	(31.6)	9.85
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	40.8	(54.3)	4,289	61.1	40.9
ROACE (%)	(96.2)	(554)	113	41.0	32.7
Vòng quay tài sản (lần)	1.55	1.83	1.86	1.68	1.70
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	(0.39)	1.40	0.03	0.49	1.32
Số ngày tồn kho	14.3	13.4	14.1	13.8	13.8
Số ngày phải thu	25.5	29.0	42.1	42.0	41.4
Số ngày phải trả	128	121	79.6	47.8	47.9
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	(143)	(160)	81.1	30.5	(22.3)
Nợ/tài sản (%)	47.8	35.6	30.4	25.8	22.0
EBIT/lãi vay (lần)	(0.74)	1.82	11.2	21.2	34.3
Nợ/EBITDA (lần)	8.11	1.75	1.24	1.12	1.07
Chỉ số TT hiện thời (lần)	0.24	0.30	0.62	0.78	1.10
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.07	0.85	0.94	0.97	0.81
EV/EBITDA ĐC (lần)	28.9	7.58	6.56	7.39	6.17
P/E (lần)	N/a	9.78	7.58	11.1	10.1
P/E ĐC (lần)	N/a	9.78	7.58	11.1	10.1
P/B (lần)	(4.17)	(7.30)	9.73	5.19	3.43
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn